

Số: 40/2025/NQ-HĐND

Thành phố Huế, ngày 08 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 246/2025/QH15 của Quốc hội về phân ngân sách trung ương năm 2026;

Xét Tờ trình số 17654/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị cấp thành phố; các cơ quan, đơn vị cấp xã; các cơ quan Thuế, Kho bạc Nhà nước và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương

1. Nguồn thu của ngân sách thành phố

a) Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%

- Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
 - Tiền cho thuê mặt nước, tiền sử dụng khu vực biển;
 - Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;
 - Thu từ hoạt động xổ số;
 - Các khoản thu hồi vốn của ngân sách thành phố đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu;
 - Thu từ quỹ dự trữ tài chính thành phố;
 - Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thành phố quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;
 - Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho thành phố;
 - Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thành phố quản lý thực hiện; Phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức cấp thành phố được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - Lệ phí do các cơ quan nhà nước thành phố thực hiện thu;
 - Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất);
 - Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của thành phố cấp phép;
 - Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thành phố thực hiện;
 - Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân do thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật;
 - Thu kết dư ngân sách thành phố;
 - Thu chuyển nguồn của ngân sách thành phố từ năm trước chuyển sang;
 - Các khoản thu theo quy định của pháp luật từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập do Trung ương và thành phố quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh (trừ hợp tác xã và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh); khoản thu thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập cá nhân hợp tác xã và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh).
 - Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
- b) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

c) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

a) Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

- Thu từ hoạt động sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp do cấp xã quản lý phân nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện thu;

- Lệ phí trước bạ nhà, đất;

- Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho chính quyền cấp xã;

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện;

- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã và tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp xã giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện;

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

- Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân do cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu theo quy định của pháp luật từ hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

- Thu kết dư ngân sách cấp xã;

- Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang;

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

b) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố.

c) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương, ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã

a) Đối với các khoản thu do thành phố quản lý:

- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án do thành phố quyết định chủ trương đầu tư; quỹ đất do thành phố quản lý, tổ chức đấu thầu, đấu giá;

- Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất do thành phố quản lý;
- Thu tiền thuê đất nộp một lần;

Các khoản thu nói trên phân chia ngân sách trung ương hưởng 15%, ngân sách thành phố hưởng 85%.

b) Đối với các khoản thu do cấp xã quản lý:

- Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất do cấp xã quản lý;
- Thu từ quỹ đất xen ghép;
- Thu tiền thuê đất nộp hằng năm;

Các khoản thu nói trên phân chia ngân sách trung ương hưởng 15%, ngân sách thành phố hưởng 42,5% và ngân sách cấp xã hưởng 42,5%.

c) Thu tiền sử dụng đất từ quỹ đất do cấp huyện cũ đầu tư, bàn giao về thành phố quản lý và được UBND thành phố giao cấp xã tổ chức đấu giá, thực hiện phân chia ngân sách trung ương hưởng 15%, ngân sách thành phố hưởng 60% và ngân sách cấp xã hưởng 25%.

Điều 3. Quy định nhiệm vụ chi ngân sách các cấp chính quyền địa phương

1. Chi ngân sách thành phố

a) Chi đầu tư phát triển:

- Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do thành phố quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

- Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của thành phố; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của thành phố theo quy định của pháp luật;

- Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi thường xuyên của các Sở, cơ quan cấp thành phố và cơ quan khác ở thành phố được phân cấp trong các lĩnh vực:

- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;
- Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao thành phố quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;
- Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;
- Sự nghiệp văn hóa thông tin;
- Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

- Sự nghiệp thể dục thể thao;
 - Sự nghiệp bảo vệ môi trường;
 - Các hoạt động kinh tế;
 - Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;
 - Chi bảo đảm xã hội;
 - Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.
- c) Chi trả nợ lãi các khoản do thành phố vay.
- d) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính thành phố.
- đ) Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.
- e) Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.
- g) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách thành phố.
- h) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.
- i) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15.

2. Chi ngân sách cấp xã

a) Chi đầu tư phát triển:

- Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị dự toán ở cấp xã được phân cấp trong các lĩnh vực:

- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;
- Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao cấp xã quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;
- Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình;
- Sự nghiệp văn hóa thông tin;
- Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;
- Sự nghiệp thể dục thể thao;
- Sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- Các hoạt động kinh tế;
- Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;

- Chi bảo đảm xã hội;
 - Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.
- c) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 11 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố; Cổng TTĐT thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu